

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 09/2017/KDTM-ST
Ngày 08 – 9 – 2017
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Dân

Bà Trần Thị Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Kiều – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Kiên Định – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07, 08 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2017/KDTM-ST ngày 12 tháng 01 năm 2017, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 447/2017/QĐXXST-KDTM ngày 20 tháng 6 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần P

Địa chỉ: Số 41, 45, Lê D, phường B, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lý Hùng A, chức vụ Chuyên viên thu hồi nợ trung tâm xử lý nợ ngân hàng thương mại cổ phần P và ông Nguyễn Công H, chức vụ: Chuyên viên khách hàng doanh nghiệp ngân hàng thương mại cổ phần P chi nhánh Cà Mau theo văn bản ủy quyền số 378/2016/GUQ ngày 09/12/2016 (có mặt).

Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây Dựng T

Địa chỉ: Lầu 1, đường số 2, khu dự án T, khóm 2, phường 1, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Nguyễn Tấn Q, chức vụ: Giám đốc (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị H – sinh năm: 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 33, đường T, khóm 5, phường 5, thành phố C, tỉnh Cà Mau

2/ Ông Lê Ngọc N – sinh năm: 1978 (vắng mặt)

3/ Bà Lê Thị X – sinh năm: 1977 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm 5, phường 5, thành phố C, tỉnh Cà Mau

4/ Ông Nguyễn Vĩnh Q – sinh năm: 1991

Địa chỉ: Số 53, Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Kiên Giang

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang C – sinh năm: 1974 theo văn bản ủy quyền ngày 14/8/2017 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 55, Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Kiên Giang

5/ Ông Dương Văn A – sinh năm: 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Thị Trấn A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/12/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như ý kiến bổ sung tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần P (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) trình bày: Ngày 29/12/2014 Ngân hàng chi nhánh Cà Mau có kí hợp đồng số 0814/2014/HĐTDHM với Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây Dựng T (sau đây gọi tắt là công ty T). Cấp hạn mức tín dụng cho công ty T vay số tiền 01 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng kể từ ngày 29/11/2014; Mục đích cấp tín dụng để bổ sung vốn lưu động thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi... Lãi suất 8,7%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi vay. Để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng của công ty T, bà Nguyễn Thị H dùng tài sản là Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS749246 do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 21/01/2014, đất tọa lạc tại ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, thế chấp cho Ngân hàng. Việc thế chấp được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, để bảo đảm số nợ. Đến ngày 18/6/2015 Ngân hàng và công ty T đã thỏa thuận và ký kết phụ lục hợp đồng số 0814/2015/PL-HĐTD sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 0814/2014/HĐTDHM ngày 29/11/2014, nâng hạn mức cấp tín dụng là 02 tỷ, công ty T tiếp tục được vay thêm 01 tỷ đồng, lãi suất 9,1%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi vay. Tiền vay sử dụng vào mục đích bổ sung vốn xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.... Để đảm bảo cho khoản vay 01 tỷ đồng của công ty T tại Ngân hàng, ông Lê Ngọc N và bà Lê Thị X đã dùng tài sản của mình là Quyền sử dụng đất tọa lạc tại phường 1 thành phố C, tỉnh Cà Mau, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 558013 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 18/6/2010 đứng tên Lê Ngọc N và bà Lê Thị X, thế hiện tại hợp đồng thế chấp số 0319/2015/BĐ ngày 18/6/2015, đã được đăng ký thế chấp theo đúng quy định của pháp luật. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, công ty T đã trả được một phần tiền vốn bằng 1.924.359đ. Đến ngày 31/12/2016 công ty T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu công ty T trả số tiền 2.201.560.881đ, trong đó tiền vốn 1.998.075.641đ, tiền lãi 203.485.240đ. Trong thời gian Tòa án đang giải quyết vụ án, ngày 01/8/2017, trên cơ sở thỏa thuận giữa Ngân hàng, công ty T, ông Lê Ngọc N và bà Lê Thị X, công ty T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn đã vay 01 tỷ đồng tại phụ lục Hợp đồng tín dụng. Ngân hàng đã trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 558013 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 18/6/2010 cho ông Lê Ngọc N và bà Lê Thị X. Toàn bộ số nợ của công ty T đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 31/12/2016. Tính đến ngày 07/9/2017, công ty T còn nợ ngân hàng số tiền 1.390.520.577đ. Trong đó, tiền vốn

998.075.641đ. Tiền lãi của số vốn 01 tỷ với lãi suất 8,7%/năm, đã chuyển nợ quá hạn từ 31/12/2016 đến nay là 08 tháng 07 ngày bằng số tiền 219.232.093đ. Tiền lãi của số vốn 01 tỷ lãi suất 9,1%/năm từ ngày 31/12/2016 đến ngày 01/8/2017 (ngày thanh toán số vốn 01 tỷ theo phụ lục hợp đồng tín dụng) là 173.212.843đ. Tổng số tiền lãi là 392.444.936đ. Tại phiên tòa, Ngân hàng thay đổi yêu cầu khởi kiện, Ngân hàng yêu cầu công ty T phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 07/9/2017 bằng 1.390.520.577đ và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng trên số tiền chưa thanh toán cho đến khi thanh toán dứt nợ. Trường hợp công ty T không thanh toán hoặc thanh toán không đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS749246 do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 21/01/2014, đất tọa lạc tại ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu đứng tên bà Nguyễn Thị H cho Ngân hàng để phát mãi thu hồi nợ cho ngân hàng.

Tại phiên tòa, Ngân hàng rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số BB 558013 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 18/6/2010 đứng tên Lê Ngọc N và bà Lê Thị X.

Tại biên bản ghi lời khai, bản tự khai các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Tấn Q đại diện công ty trách nhiệm hữu hạn Xây Dựng T trình bày: Công ty T có kí kết với Ngân hàng hợp đồng tín dụng số 0814/2014/HĐTDHM ngày 29/12/2014 và phụ lục hợp đồng tín dụng số 0814/2015/PL-HĐTD ngày 18/6/2015 với số tiền vay, thời gian vay, mức lãi thỏa thuận, thời gian chuyển nợ quá hạn, mục đích vay, thế chấp tài sản và các thỏa thuận khác đúng như Ngân hàng trình bày. Ông thống nhất công ty T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 07/9/2017 bằng 1.390.520.577đ, trong đó: Tiền vốn 998.075.641đ, tiền lãi 392.444.936đ và khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt nợ. Tuy nhiên, do khó khăn nên ông Nguyễn Tấn Q đề nghị Ngân hàng giảm lãi cho công ty T. Công ty T thống nhất yêu cầu của Ngân hàng về việc phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS749246 do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 21/10/2014, đất tọa lạc tại ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tại bản tự khai ngày 07/3/2017 và biên bản ngày 31/5/2017 bà Nguyễn Thị H Trình bày: Bà xác định bà có thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS749246 do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 21/10/2014, đất tọa lạc tại ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, là tài sản của bà, bà thế chấp để đảm bảo việc thanh toán nợ của công ty T tại Ngân hàng. Nay bà không đồng ý phát mãi tài sản thế chấp. Bà yêu cầu được trả nợ thay cho công ty T số tiền 01 tỷ đồng và Ngân hàng phải xóa thế chấp đối với phần tài sản bà đã thế chấp cho Ngân hàng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/8/2017, ông Nguyễn Quang C là đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Vĩnh Q trình bày: Ông Nguyễn Vĩnh Q và bà Nguyễn Thị H có thỏa thuận để ông Q thuê nhà kho tại phần đất mà bà H đang thế chấp cho ngân hàng. Thuê vào ngày 14/8/2011, thời hạn thuê đến ngày 31/7/2021. Nay ông biết được việc bà H thế chấp cho Ngân hàng ông không có ý kiến đối với

yêu cầu của Ngân hàng về việc phát mãi tài sản thế chấp. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc phát mãi tài sản thế chấp, ông đồng ý di dời để trả lại nhà kho cho bà H. Đối với việc thuê nhà kho tại quyền sử dụng đất nói trên thì ông Nguyễn Vĩnh Q và bà H tự thỏa thuận với nhau, ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Trường hợp ông Q và bà H có tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/9/2017, ông Dương Văn A trình bày: Khi bà Nguyễn Thị H ký hợp đồng cho ông Nguyễn Vĩnh Q thuê nhà kho tọa lạc tại thửa đất số 19 tờ bản đồ số 23 tọa lạc tại ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 14/8/2011 thì ông và bà Nguyễn Thị H là vợ chồng nên ông đã ký tên vào hợp đồng thuê nhà kho. Đến năm 2013 ông và bà Nguyễn Thị H đã ly hôn. Ông và bà H đã thống nhất, giao quyền sử dụng phần đất tại thửa số 19 tờ bản đồ số 23 tọa lạc tại ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu cho bà H. Ông không còn quyền lợi đối với phần đất này. Hiện nay, ông xác định ông không liên quan đối với hợp đồng thuê nhà kho giữa bà H và ông Nguyễn Vĩnh Q, cũng không liên quan đến việc thế chấp quyền sử dụng đất giữa bà H với Ngân hàng. Ông không yêu cầu gì trong vụ án này và yêu cầu không tham gia tố tụng trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Ngân hàng thương mại cổ phần P (sau đây gọi là Ngân hàng) với công ty trách nhiệm hữu hạn Xây Dựng T (sau đây gọi là công ty T) có kí hợp đồng số 0814/2014/HĐTDHM ngày 29/12/2014 và phụ lục hợp đồng số 0814/2015/PL-HĐTD ngày 18/6/2015 với mục đích vay để bổ sung vốn lưu động thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi. Nên tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp trong hoạt động kinh doanh thương mại về hợp đồng tín dụng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng quy định tại điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với bà Nguyễn Thị H, ông Lê Ngọc N, bà Lê Thị X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên họp hòa giải và phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ nhưng bà Nguyễn Thị H, ông Lê Ngọc N, bà Lê Thị X vắng mặt không lý do, đại diện bị đơn yêu cầu không hòa giải vụ án do vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 4 điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị H, ông Lê Ngọc N, bà Lê Thị X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử, nhưng bà Nguyễn Thị H, ông Lê Ngọc N, bà Lê Thị X vắng mặt không rõ lý do; ông Nguyễn Quang C, ông Dương Văn A đã được tòa án triệu tập để tham gia phiên tòa xét xử nhưng đã có ý kiến yêu cầu Tòa án tiến hành hòa giải, xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị H, ông Lê Ngọc N, bà Lê Thị X và ông Nguyễn Quang C - Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Vĩnh Q và ông Dương Văn A là đúng quy định tại khoản 1 và khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc công ty trách nhiệm hữu hạn Xây Dựng T phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày 07/8/2017 bằng 1.390.520.577đ trong đó, tiền vốn 998.075.641đ, tiền lãi 392.444.936đ. Ông

Nguyễn Tấn Q đại diện công ty T đã thống nhất số nợ trên. Dù đại diện công ty T có yêu cầu giảm lãi do công ty T đang gặp khó khăn, nhưng không được Ngân hàng chấp nhận, Đại diện công ty T thống nhất có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi tính đến ngày 07/9/2017 bằng 1.390.520.577đ. Yêu cầu này của nguyên đơn đã được bị đơn đồng ý và phù hợp với các thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 0814/2014/HĐTDHM ngày 29/12/2014 và phụ lục hợp đồng tín dụng số 0814/2015/PL-HĐTD ngày 18/6/2015 đã ký kết và phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị H, thuộc thửa đất số 19 tờ bản đồ 23 toạ lạc tại ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS749246 do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 21/01/2014 và tài sản gắn liền với đất, để thanh toán nợ cho ngân hàng trường hợp công ty T không trả nợ hoặc không trả đủ số nợ là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ:

Mặc dù khi ký kết hợp đồng thế chấp, bà Nguyễn T đang cho ông Nguyễn Vĩnh Q thuê nhà kho trên phần đất mà bà H thế chấp quyền sử dụng cho Ngân hàng nhưng bà H không thông báo và Ngân hàng không biết việc đang cho thuê. Đến nay Ngân hàng được biết sự việc nhưng không có ý kiến phản đối với vấn đề này và thống nhất việc ông Nguyễn Vĩnh Q có quyền di dời tài sản hàng hóa thuộc quyền sở hữu của ông Q, để giao tài sản thế chấp để đảm bảo cho việc phát mãi. Ngân hàng thống nhất vẫn tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0814/2014/BĐ ngày 29/12/2014. Ông Nguyễn Vĩnh Q không có ý kiến phản đối việc bà H thế chấp Ngân hàng tài sản đang cho ông thuê, không yêu cầu gì đối với hợp đồng thuê nhà kho với bà H, ông Nguyễn Vĩnh Q và bà H tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu gì trong vụ án này. Ông Dương Văn A không phản đối và không yêu cầu gì đối với việc thế chấp này. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0814/2014/BĐ ngày 29/12/2014 có công chứng chứng thực và được đăng ký thế chấp vào hồi 15 giờ 00 ngày 29/11/2014 tại quyển 03 số thứ tự 2379 theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với quy định tại điều 345 Bộ luật dân sự nên có giá trị thực hiện.

Bà Nguyễn Thị H thừa nhận có thế chấp tài sản nói trên cho Ngân hàng để bảo đảm số nợ cho công ty T. Mặc dù bà H không thống nhất việc xử lý tài sản thế chấp, thu hồi nợ cho Ngân hàng và có đề nghị sẽ trả thay nợ cho công ty T và yêu cầu Ngân hàng trả lại tài sản đã thế chấp nhưng đến nay bà H chưa thực hiện việc trả nợ thay. Ngân hàng không đồng ý đề nghị của bà H về việc bà H trả nợ thay cho công ty T. Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Căn cứ vào nội dung thỏa thuận tại hợp đồng thế chấp tại điểm a khoản 1 điều 1 và điều 2, thì phần tài sản bà H đã thế chấp cho Ngân hàng là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng số 0814/2014/HĐTDHM ngày 29/12/2014 và các hợp đồng tín dụng khác trong khoảng thời gian từ 29/12/2014 đến 29/12/2019, cụ thể là phụ lục hợp đồng tín dụng số 0814/2015/PL-HĐTD ký kết ngày 18/6/2015. Khi đến hạn mà công ty T không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số nợ thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ Ngân hàng. Thỏa thuận này cũng phù hợp với quy định của pháp luật tại điều 347, 355, 715, 716, 721 Bộ luật dân sự 2005.

Tại phiên tòa Đại diện ngân hàng thương mại cổ phần P đã rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông Lê Ngọc N và bà Lê Thị X phải giao tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất tọa lạc tại phường 1 thành phố C, tỉnh Cà Mau, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 558013 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 18/6/2010 đứng tên Lê Ngọc N và bà Lê Thị X, theo hợp đồng thế chấp số 0319/2015/BĐ ngày 18/6/2015 để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Căn cứ vào điểm c khoản 1 điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm tranh chấp về kinh doanh thương mại Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng T phải chịu theo quy định. Ngân hàng không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 342, 343, 347, 350, 351, 355, 471, 474, 715, 716, 721 Bộ luật dân sự 2005, điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Các Điều 30, 147, 207, 217, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần P

Buộc công ty trách nhiệm hữu hạn Xây Dựng T phải trả cho ngân hàng thương mại cổ phần P số tiền nợ tính đến ngày 07/9/2017 bằng 1.390.520.577đ (*một tỷ ba trăm chín mươi triệu, năm trăm hai mươi ngàn, năm trăm bảy mươi bảy đồng*) trong đó tiền vốn 998.075.641đ, tiền lãi đến ngày 392.444.936đ. Tiếp tục phải trả khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đến khi thi hành xong.

Ngân hàng thương mại cổ phần P phải trả lại cho bà Nguyễn Thị H 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS749246 do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 21/01/2014, khi Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng T trả dứt nợ.

Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần P về việc xử lý tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0814/2014/BĐ ngày 29/12/2014, là quyền sử dụng đất diện tích 652m² thuộc thửa số 19 tờ bản đồ 23 tọa lạc tại ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 749246 do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 20/01/2014 và tài sản gắn liền với đất, ưu tiên thu hồi nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần P, trong trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn Xây Dựng T không thanh toán hoặc thành toán không đủ số nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần P.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần P, về việc buộc ông Lê Ngọc N và bà Lê Thị X phải giao tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất tọa lạc tại khóm 6 phường 9 thành phố C, tỉnh Cà Mau, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 558013 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 18/6/2010 đứng tên Lê Ngọc N và bà Lê Thị X, theo hợp đồng thế chấp số 0319/2015/BĐ ngày 18/6/2015 để thu hồi nợ cho ngân hàng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh thương mại có giá ngạch là 53.716.000đ (*năm mươi ba triệu, bảy trăm mười sáu ngàn đồng*), công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng T phải nộp (chưa nộp). Ngân hàng thương mại cổ

phần P không phải nộp án phí. Ngày 12/01/2017 Ngân hàng thương mại cổ phần P đã nộp tạm ứng án phí, số tiền 38.015.000đ (*Ba mươi tám triệu không trăm mười lăm ngàn đồng*), tại biên lai số 0002551, Ngân hàng thương mại cổ phần P được nhận lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nơi nhận:

- **Đương sự;**
- VKS ND Tp.Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thị Thu